|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****KHOA KINH TẾ VẬN TẢI** |  |

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP DÀNH CHO SINH VIÊN**

1. **Yêu cầu về nội dung và bố cục khóa luận tốt nghiệp**

Nội dung khóa luận phải thể hiện được các kiến thức về lí thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn. Các kết quả của khóa luận phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập.

Cấu trúc của mỗi khóa luận tùy thuộc vào từng chuyên ngành và đề tài cụ thể, nhưng **thông thường** bao gồm những nội dung và được sắp xếp theo thứ tự sau:

- Trang bìa chính

- Trang bìa phụ

- Phiếu giao đề tài khóa luận tốt nghiệp

- Nhận xét của GVHD

- Nhận xét của GV phản biện

- Lời cảm ơn

- Lời cam đoan

- Mục lục

- Danh mục các bảng

- Danh mục các hình

- Danh mục các chữ viết tắt

- Lời mở đầu

- Chương 1 (Không đánh chữ số La Mã)

1.1

1.2

- Chương 2

2.1

2.1

- Chương 3

3.1

3.2

- Kết luận

- Tài liệu tham khảo

- Phụ lục

1. **Hình thức trình bày**

- Khóa luận phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xóa, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị.

- Soạn thảo văn bản:

Khóa luận được viết sử dụng kiểu chữ Times New Roman cỡ 13 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường; không được nén hoặc kéo dãn khoảng cách giữa các chữ; dãn dòng đặt ở chế độ 1.5 lines; lề trên 2 cm; lề dưới 2 cm; lề trái 2.5 cm; lề phải 2 cm. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang (nên hạn chế trình bày theo cách này). Khóa luận được in trên hai mặt giấy trắng khổ A4 (210 x 297mm), từ 60 đến 80 trang không kể phụ lục. Không sử dụng Header và Footer.

- Trình bày chương, mục, tiểu mục:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Kiểu** | **Cỡ chữ** | **Khoảngcáchhàng** | **Chữhoa** | **Inđậm** | **Innghiêng** | **Khoảng cách với dòng phía trước** | **Khoảng cách với dòng phía sau** |
| Chương (1 …) | Heading 1 | 14 | 1.15 | ✔ | ✔ |  | 24 | 24 |
| Tiểu mục (1.1…) | Heading 2 | 13 | 1.15 |  | ✔ |  | 6 | 12 |
| Tiểu mục (1.1.1 …) | Heading 3 | 13 | 1.15 |  | ✔ | ✔ | 6 | 12 |
| Nội dung  | Content | 13 | 1.5 |  |  |  | 10 | 0 |
| Chú thích hình, bảng | Caption | 13 | 1.15 |  |  |  | 6 | 12 |
| Mục lục; Các danh mục; … | Normal | 13 | 1.15 |  |  |  | 0 | 0 |
| Bullet | Bullet | 13 | 1.5 |  |  |  | 0 | 0 |

- Hình, bảng biểu, phương trình:

a) Hình (hình vẽ, hình chụp, đồ thị, sơ đồ, bản đồ ….), bảng biểu, phương trình phải được đặt càng gần chỗ cần minh họa càng tốt và phải có câu chỉ dẫn đến.

b) Việc đánh số bảng, hình phải gắn với số chương và thứ tự xuất hiện trong chương (*ví dụ bảng 3.2 là bảng thứ hai của Chương 3 tính từ đầu chương, hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong Chương 3*). Số thứ tự và tên của bảng được ghi ngay phía trên bảng và ở giữa bảng. Số thứ tự và tên của hình được ghi ngay phía dưới hình và ở giữa hình. Sau tên bảng là tiêu đề của bảng. Chú ý ghi đầy đủ đơn vị tính (nếu có), in nghiêng, canh phải, size 11. Phải ghi nguồn của thông tin trong bảng ở bên dưới bảng, in nghiêng, canh phải, size 11. Ví dụ:

**Bảng 2.1: Tính giá door ở đầu Anh**

*ĐVT: USD*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Chi phí** |
| 1 | Handling charge | 100 |
| 2 | Trucking fee (phí vận chuyển đường bộ) | 520 |
| 3 | Customs clearance fee (phí thủ tục hải quan) | 42 |
|  | ………. |  |
|  | **Tổng** | **785** |

*(Nguồn: …………………………..)*



**Hình 2.1: Tổng chi phí tổ chức vận chuyển xuất khẩu lô hàng sang Anh của phương án 1**

*(Nguồn: …………………………..)*

c) Khi đề cập đến các bảng biểu và hình vẽ, phải nêu rõ số thứ tự của hình và bảng biểu đó, ví dụ “… được nêu trong bảng 4.1” hoặc “xem hình 3.2” mà không được viết “… được nêu trong bảng dưới đây” hoặc “trong đồ thị sau”.

d) Nếu khóa luận có sử dụng phương trình thì số thứ tự của phương trình được ghi ở bên phải của phương trình và nằm ở mép phải của trang văn bản. Khi có ký hiệu mới xuất hiện lần đầu tiên thì phải có giải thích và đơn vị tính đi kèm ngay trong phương trình có ký hiệu đó. Nếu cần thiết, danh mục của tất cả các ký hiệu, chữ viết tắt và nghĩa của chúng cần được liệt kê và để ở phần đầu của khóa luận.

- Quy định viết tắt, danh mục các bảng, hình:

*a)**Viết tắt*

Trong khóa luận không lạm dụng viết tắt. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong khóa luận. Nếu có nhiều từ viết tắt, phải lập bảng các chữ viết tắt ở đầu khóa luận, xếp theo thứ tự ABC của chữ viết tắt.

Khi muốn viết tắt từ hay cụm từ nào thì phải viết nguyên văn từ, cụm từ đó ở lần xuất hiện đầu tiên sau đó bỏ ký hiệu viết tắt trong ngoặc đơn.

Viết tắt các từ nước ngoài phải theo quy định quốc tế.

Không đưa vào danh mục viết tắt các trường hợp sau đây:

* Các ký hiệu toán học như sin, cos, log, ln…;
* Các công thức hóa học như HCl, CaO…;
* Các thuật ngữ khoa học phổ biến như DNA, GDP…;
* Các tên gọi quốc gia và tổ chức quốc tế đơn nghĩa và đã phổ biến như USA, UK, ISO, WHO, UNDP.
* Đối với các ký hiệu hóa - lý (như k, K, T, P, f, ∆H…), không đưa vào danh mục viết tắt mà sẽ được mô tả ở ngay dưới các công thức có sử dụng.

Trong danh mục, xếp các chữ viết tắt theo thứ tự alphabet; nếu là viết tắt từ tiếng nước ngoài (không phải là tiếng Anh) thì cần chuyển nghĩa sang tiếng Anh và đặt trong ngoặc đơn.

Cách trình bày danh mục chữ viết tắt như ở ví dụ sau đây:

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ viết tắt (sắp xếp theo Alphabet)** | **Diễn giải từ tiếng Anh** | **Diễn giải từ tiếng Việt** |
| AWB | Airway Bill | Vận đơn đường hàng không |
| B/L | Bill of Lading | Vận đơn đường biển |
| D/O | Delivery Order | Lệnh giao hàng |
| LCL | Less than Container Load | Hàng gửi lẻ, hàng xếp ít hơn một container |
| PATA |  | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Giao nhận Thương mại Thái Bình Á Lục |
| XNK |  | Xuất nhập khẩu |

*b) Cách trình bày danh mục các bảng, hình*

**DANH MỤC CÁC BẢNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên bảng** | **Trang** |
| 1 | Bảng 1.1: Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ năm 2010 đến 3 tháng đầu năm 2013  | 5 |
| 2 | Bảng 1.2: Kim ngạch xuất nhập khẩu phân theo thị trường chủ yếu của Việt Nam 03 tháng đầu năm 2013  | 7 |

**DANH MỤC CÁC HÌNH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hình** | **Trang** |
| 1 | Hình 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty TNHH Dịch Vụ Giao Nhận Thương Mại Thái Bình Á Lục (PATA) | 11 |
|  |  |  |

**- Đánh số trang:**

+ Không đánh số trang cho bìa chính, trang bìa phụ, lời cảm ơn, lời cam đoan.

+ Phần danh mục các bảng, danh mục các hình, danh mục từ viết tắt và Lời mở đầu: được đánh số trang theo chữ số La mã (i, ii, iii, ….. ix, x, ……)

+ Phần nội dung được đánh số trang liên tục theo định dạng 1, 2, 3 …bắt đầu từ Chương 1 đến hết TÀI LIỆU THAM KHẢO*.* Đánh số trang PHỤ LỤC theo số thứ tự của luận văn nhưng không tính vào dung lượng cho phép của luận văn.

+ Số trang được ghi ở cuối trang, căn lề giữa.

+ Các trang trình bày theo chiều ngang khổ giấy vẫn phải được đánh số trang ở vị trí như các trang khác.

+ Các hình, bảng phải được bố trí trên cùng 1 trang, không để nội dung của 1 bảng hay 1 hình trên quá 1 trang.

1. **Trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo**

Phần tài liệu tham khảo chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới để bàn luận trong luận văn. Số tài liệu tham khảo tối thiểu là 10 tài liệu, trong đó ít nhất 50% số tài liệu mới được cập nhật trong vòng 5 năm trở lại và ít nhất có 5 sách tham khảo.

***3.1. Trích dẫn tài liệu tham khảo***

*a) Mục đích của việc trích dẫn nguồn tài liệu:*

* Giúp người đọc nhận biết công việc mà người học đã nghiên cứu và thực hiện.
* Giúp người đọc tìm được nguồn tài liệu gốc để có thêm thông tin.
* Tạo ra sức mạnh cho các luận cứ được trình bày trong luận văn.
* Ghi nhận công lao của các tác giả khác, đảm bảo quyền tác giả và không vi phạm đạo văn và bản quyền.

*b) Một số lưu ý quan trọng khi trích dẫn*

* Phải trích dẫn khi sử dụng kết quả, số liệu, hình ảnh, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ, từ ngữ, ý tưởng… của một nguồn tài liệu khác, ngay cả khi không sử dụng nguyên văn.
* Khi trích dẫn, phải trích dẫn nguồn tài liệu gốc. Ví dụ: Học viên trích dẫn một thông tin từ tài liệu A, mà tài liệu A trích dẫn thông tin đó từ tài liệu B và tài liệu B không trích dẫn thông tin đó từ bất kỳ nguồn nào, thì bạn phải ghi trích dẫn từ nguồn tài liệu B.
* Phải ghi nguồn trích dẫn ngay sau vị trí tham khảo từ một nguồn tài liệu khác, kể cả tác giả của tài liệu đó là chính mình.
* Khi ghi lại nguyên văn các cụm từ của một tác giả phải phải đặt chúng vào dấu ngoặc kép (“…”) và ghi nguồn trích dẫn. Tuy nhiên, chỉ được ghi nguyên văn một hoặc hai câu.
* Việc sử dụng các tài liệu có bản quyền bao gồm cả hình minh họa cũng bị xem là vi phạm bản quyền, cho dù đã ghi trích dẫn. Trong trường hợp này, cần phải có giấy đồng ý cho phép sử dụng của tác giả và phải đính kèm trong phần phụ lục của khóa luận.
* Không cần trích dẫn các kiến thức phổ biến, mọi người đều biết.

*c) Kiểu trích dẫn*

- Trích dẫn tài liệu dựa vào số thứ tự của tài liệu có trong danh mục tài liệu tham khảo. Ghi số thứ tự đó cùng với số trang và đặt trong ngoặc vuông. Ví dụ: [24, tr.60] (tức là tài liệu số 24, trang 60).

***3.2. Cách trình bày tài liệu tham khảo***

*Với sách:*

[Số TT]. Họ tên tác giả (năm). *Tên sách*, Tập. Nhà xuất bản, Nơi xuất bản, trang thứ (nếu có).

*Với sách dịch:*

[Số TT]. Họ tên tác giả (năm). *Tên sách (Người dịch, dịch từ tiếng...)*, Tập. Nhà xuất bản, Nơi xuất bản, trang thứ (nếu có).

*Với bài báo từ tạp chí, tập san, báo (gọi tắt là tạp chí)*

[Số TT]. Họ tên tác giả (năm). Tên bài báo. *Tên tạp chí*, Tập, Số, trang thứ.

*Với bài từ kỷ yếu hội nghị hội thảo*

[Số TT]. Họ tên tác giả (năm). Tên bài báo. Kỷ yếu *Hội nghị hội thảo..*., Nơi tổ chức, thời gian tổ chức, trang thứ.

*Với luận án, khóa luận*

[Số TT]. Họ tên tác giả (năm). *Tên đề tài luận án, khóa luận*. Luận án/khóa luận tốt nghiệp bậc học, chuyên ngành (mã số), tên cơ sở đào tạo.

*Với tài liệu từ internet*

[Số TT]. Tên tác giả hay chủ sở hữu website (năm). *Tên trang web hay tên bài viết,* địa chỉ truy cập www…/. (Ngày, tháng, năm truy cập).

**Cách sắp xếp thứ tự tài liệu tham khảo theo họ tên tác giả theo thứ tự Alphabet**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**1. Tiếng Việt**

[1]. Bộ Công Thương (2018). *Báo cáo logistics Việt Nam 2018, logistics và thương mại điện tử*, NXB Công thương.

[2]. Hồ Thị Thu Hòa (2014), *Mô hình đánh giá chất lượng dịch vụ logistics REPERIMP phù hợp với thực tế Việt Nam*, Tạp chí GTVT, số 3/2014, tr.49-52.

[3]. Lê Phúc Hoà (2015), *Logistics ngược và hoạt động xanh của TP. HCM*, Vietnam Logistics Review, /logistics-nguoc-va-hoat-dong-xanh-cua-tp-hcm.vlr>. [Ngày truy cập: 30 tháng 6 năm 2020].

[4]. Nguyễn Văn Khoảng (2018), *Kết nối vận tải và phát triển dịch vụ Logistics vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Khoa học công nghệ Giao thông vận tải, số 5/2018, tr. 231-234.

[5] Phạm Thị Nga (2015), *Kinh tế vận tải và logistics*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải.

**2. Tiếng Anh**

[6]. Guoyi Xiu, Xiaohua Chen (2012), *Research on Green Logistics Development at Home and Abroad*, Journal of Computers, Vol 7, No 11, 2765-2772

[7]. J. Nowakowska-Grunt (2008), *“Impact of Lean management on logistics infrastructure in enterprises” in “Advanced Logistic Systems”*, edited by: B. Illes, J. Szkutnik, P. Telek, University of Miskolc, p. 71, Miskolc.

[8]. ML Fisher (1997), *What is the right supply chain for your product?*, Harvard business review 75, 105-117

**3. Website**

[9]. Bộ Giao thông vận tải (2018), *Doanh nghiệp logistics Việt Nam hoạt động còn manh mún*, <http://mt.gov.vn/vn/tin-tuc/57571/doanh-nghiep-logisticsviet-nam-hoat-dong-con-manh-mun.aspx> [Ngày truy cập: 30 tháng 6 năm 2020].

[10] Tạp chí Vietnam Logistics Review (2020), *Doanh nghiệp logistics chuyển từ dịch vụ sang bán hàng và liên kết đối tác,* <http://vlr.vn/logistics/doanh-nghiep-logistics-chuyen-tu-dich-vu-sang-ban-hang-va-lien-ket-doi-tac-6305.vlr> [Ngày truy cập: 3 tháng 7 năm 2020]

**PHỤ LỤC 1: MẪU TRÌNH BÀY TRANG BÌA KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**MẪU TRANG BÌA PHỤ KHÓA LUẬN**

**(Khổ 210 x 270 mm)**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP.HỒ CHÍ MINH**

**KHOA KINH TẾ VẬN TẢI**

 *(In hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14, font chữ Times New Roman)*



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

*(In hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 28, font chữ Times New Roman)*

**TÊN ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN**

*(In hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 22, font chữ Times New Roman)*

**NGÀNH:**

**CHUYÊN NGÀNH:**

*(In hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 13, font chữ Times New Roman)*

 **Giảng viên hướng dẫn:**

 **Sinh viên thực hiện:**

**MSSV:**

**Lớp:**

**Khóa:**

 *(Chữ thường, đứng, đậm, cỡ chữ 12, font chữ Times New Roman)*

***TP.Hồ Chí Minh – …/ 20…***

*(Chữ thường, nghiêng, đậm, cỡ chữ 13, font chữ Times New Roman)*

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP.HỒ CHÍ MINH**

**KHOA KINH TẾ VẬN TẢI**

 *(In hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14, font chữ Times New Roman)*



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

*(In hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 28, font chữ Times New Roman)*

**TÊN ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN**

*(In hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 22, font chữ Times New Roman)*

**NGÀNH:**

**CHUYÊN NGÀNH:**

*(In hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 13, font chữ Times New Roman)*

 **Giảng viên hướng dẫn:**

 **Sinh viên thực hiện:**

**MSSV:**

**Lớp:**

**Khóa:**

 *(Chữ thường, đứng, đậm, cỡ chữ 12, font chữ Times New Roman)*

***TP.Hồ Chí Minh – …/ 20…***

*(Chữ thường, nghiêng, đậm, cỡ chữ 13, font chữ Times New Roman)*

**PHỤ LỤC 2: VÍ DỤ VỀ HÌNH THỨC TRÌNH BÀY CHƯƠNG, MỤC, TIỂU MỤC**

# CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI

## **1.1. Tổng quan về hoạt động phân phối hàng hóa**

### *1.1.1. Khái niệm về phân phối hàng hóa*

Phân phối được hiểu là quá trình tổ chức, kinh tế, kỹ thuật nhằm phân loại và sắp xếp hàng hóa, điều hành và vận chuyển hàng hóa theo không gian và thời gian từ nơi sản xuất đến người tiêu dùng cuối cùng để đạt hiệu quả kinh tế cao.[3, tr.7]

### *1.1.2. Vai trò của việc phân phối hàng hóa*

Phân phối hàng hóa giúp giải quyết sự khác biệt giữa sản xuất và tiêu dùng về loại hàng hóa và giảm sự tìm kiếm, nghiên cứu không cần thiết của khách hàng.

Các yếu tố để lựa chọn phương thức vận tải hàng hóa gồm có:

* Đối tượng vận chuyển

Đối tượng của vận chuyển chính là hàng hóa, thông thường hàng hóa được phân thành các loại khác nhau như: hàng khô, hàng lỏng, hàng rời, hàng đóng gói, hàng bách hóa, hàng cồng kềnh, hàng có khối lượng lớn,… Việc phân loại hàng hóa này có ý nghĩa trong việc xây dựng chế độ cước phí, phương tiện vận chuyển và phương tiện xếp dỡ.

* Thời gian vận chuyển
* Chi phí vận chuyển
* Mức độ sẵn có của phương thức vận chuyển

**PHỤ LỤC 3: LẬP MỤC LỤC – LỜI MỞ ĐẦU**

**MỤC LỤC**

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT……………………………………………………………………i**

**DANH MỤC HÌNH………………………………………………………………………….… ii**

**DANH MỤC BẢNG……………………………………………………………………...…….iii**

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT……………………………………………….…...…….iv**

**LỜI MỞ ĐẦU…………………………………………………………………...………………v**

1. **Lý do chọn đề tài**
2. **Mục đích nghiên cứu**
3. **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**
4. **Phương pháp nghiên cứu**
5. **Kết cấu của đề tài**

**CHƯƠNG 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ (TÙY VÀO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI)**

**CHƯƠNG 2: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY.......(tên công ty)**

**2.1 Lịch sử hình thành và phát triển**

**2.2 Chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh**

**2.3 Cơ cấu tổ chức**

***2.3.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức***

***2.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý***

**2.4 Tình hình nhân lực**

**2.5 Cơ sở vật chất kỹ thuật**

**2.6 Khách hàng, thị trường và đối thủ cạnh tranh**

***2.6.1 Khách hàng***

***2.6.2 Thị trường và đối thủ cạnh tranh***

***2.7 Đánh giá chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm... (ít nhất là của 2 năm gần nhất, ví dụ 2018-2019)***

**CHƯƠNG 3: Tên phần này gắn liền với tên đề tài (ví dụ: THỰC TRẠNG KINH DOANH DỊCH VỤ GIA TĂNG GIÁ TRỊ TẠI KHO BTS)**

Căn cứ vào tên đề tài các em lập tiêu đề các mục trong chương này sao cho phù hợp

Sau đây là 1 ví dụ:

**3.1. Tổng quan về kho BTS (hoặc Các dịch vụ logistics chủ yếu tại công ty)**

***3.1.1. Sự hình thành và phát triển của kho BTS***

***3.1.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý***

**3.2. Dịch vụ giá trị gia tăng tại kho BTS và bộ phận Co-packing**

***3.2.1. Cơ cấu tổ chức của bộ phận Co-packing***

***3.2.2. Khách hàng chính sử dụng dịch vụ Co-packing***

***3.2.3. Các hoạt động chính của bộ phận Co-packing***

***3.2.4. Chi phí và thời gian thực hiện các dịch vụ (lưu ý phần này cần có cho các đề tài về dịch vụ logistics)***

**3.3. Quy trình thực hiện của bộ phận Co-packing**

**3.4. Quản lý và kiểm soát hoạt động và quy trình chuẩn SOP ( Standard Operating Procedure)**

***3.4.1. Quy trình chuẩn SOP***

***3.4.2. Công tác quản lý và kiểm soát các nguồn lực***

***3.4.3 Đánh giá hiệu quả hoạt động của các dịch vụ***

**3.5. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận Co-packing (bắt buộc làm phần này) (ít nhất là của 2 năm gần nhất, ví dụ 2018-2019)**

***3.5.1. Đánh giá tình hình thực hiện sản lượng***

***3.5.2. Đánh giá tình hình thực hiện doanh thu***

***3.5.3. Đánh giá tình hình thực hiện chi phí***

***3.5.4. Đánh giá tình hình lợi nhuận***

**3.6. Thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình thực hiện hoạt động**

**(tùy vào đề tài mà ghi là hoạt động gì, ví dụ: hoạt động logistics/Cấp phát trang thiết bị dung cụ)**

***3.6.1. Thuận lợi***

***3.6.2. Khó khăn***

**3.7. Một số giải pháp nhằm .................(tùy vào đề tài mà lựa chọn tiêu đề cho phù hợp, VÍ DỤ: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DỊCH VỤ GIA TĂNG GIÁ TRỊ TẠI KHO BTS)**

***3.7.1. Định hướng phát triển của công ty***

***3.7.2. Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của công ty (SWOT)=> tùy đề***

***tài có thể có hoặc không có phần này (nếu có phần này thì có thể bỏ mục 3.6 ở trên)***

***3.7.3. Đánh giá xu hướng phát triển của ngành .....(tùy loại hình kinh doanh của công ty)***

***3.7.4. Một số giải pháp nhằm................(ghi giống như tiêu đề của chương 4) .***

3.7.4.1.Giải pháp 1

3.7.4.2.Giải pháp 2

3.7.4.3.Giải pháp 3

3.7.4.4.Giải pháp 4

(tùy đề tài mà số giải pháp nhiều hay ít, nhưng tối thiểu phải là 3 giải pháp)

**KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ viết tắt** | **Diễn giải từ tiếng Anh** | **Diễn giải từ tiếng Việt** |
| AWB | Airway Bill | Vận đơn đường hàng không |
| B/L | Bill of Lading | Vận đơn đường biển |
| D/O | Delivery Order | Lệnh giao hàng |
| LCL | Less than Container Load | Hàng gửi lẻ, hàng xếp ít hơn một container |
| PATA |  | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Giao nhận Thương mại Thái Bình Á Lục |
| XNK |  | Xuất nhập khẩu |

**DANH MỤC CÁC BẢNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên bảng** | **Trang** |
| 1 | Bảng 1.1: Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ năm 2010 đến 3 tháng đầu năm 2013  | 5 |
| 2 | Bảng 1.2: Kim ngạch xuất nhập khẩu phân theo thị trường chủ yếu của Việt Nam 03 tháng đầu năm 2013  | 7 |

**DANH MỤC CÁC HÌNH, SƠ ĐỒ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hình** | **Trang** |
| 1 | Hình 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty TNHH Dịch Vụ Giao Nhận Thương Mại Thái Bình Á Lục (PATA) | 11 |
|  |  |  |

**LỜI MỞ ĐẦU**

**1. Lý do chọn đề tài (Sau đây là ví dụ)**

Trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hóa thương mại đang là vấn đề nổi bật trong thời điểm hiện nay. Để có thể tự do hóa mối quan hệ buôn bán ngoại thương trong cơ chế hội nhập, phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu, Việt Nam đã và đang từng bước thâm nhập vào nền kinh tế các nước, bằng chứng là chúng ta đã có ngày càng nhiều hàng hoá xuất khẩu đi các nước trên thế giới với những chủng loại hàng hóa vô cùng phong phú, đa dạng, số lượng ngày một gia tăng. Bên cạnh đó, chúng ta đang cố gắng từng bước tạo lập mối quan hệ với các nước có nền kinh tế phát triển như Mĩ, Nhật, EU,... thông qua việc kí kết các hiệp định song phương và đa phương.

Để phục vụ cho những nhu cầu thực tế, hàng hoá mua bán ngoại thương được vận chuyển từ người bán đến tay người mua,... đã dần dần làm cho ngành vận tải hàng hoá nói chung và vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu nói riêng đang dần chiếm lĩnh một vai trò rất quan trọng, chủ yếu trong quá trình phát triển chung của cả nước. Và vì đặc điểm nổi bật của ngoại thương là mối quan hệ giao lưu buôn bán giữa người mua và người bán ở các nước khác nhau đã nảy sinh các vần đề như: khoảng cách địa lí giữa các quốc gia ảnh hưởng đến việc luân chuyển hàng hóa, thủ tục xuất nhập khẩu mỗi nước mỗi khác, liên lạc không thuận tiện, tập quán sử dụng hàng hóa khác nhau,...tất cả những khiếm khuyết đó đã dần dần tạo tiền đề cho sự hình thành của một ngành nghề mới, một dịch vụ vô hình phục vụ rất hiệu quả, an toàn, tối ưu nhất; đó là dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hoá quốc tế.

Và việc vận dụng nghiên cứu tìm hiểu những ưu thế của lọai hình này trong điều kiện đất nước hiện nay là một yêu cầu khách quan. Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH DV Giao nhận TM Thái Bình Á Lục, các anh chị trong công ty đã nhiệt tình giúp đỡ và tạo cơ hội cho em thực hiện tốt báo cáo tốt nghiệp này. Trên cơ sở những thuận lợi đó và củng cố những kiến thức đã học tại trường, cùng với sự hướng dẫn của ……….thầy/cô ………………em quyết định chọn đề tài **“Đánh giá hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển và đường hàng không tại công ty TNHH DV Giao nhận TM Thái Bình Á Lục (PATA)”**.

**2. Mục đích nghiên cứu (Sau đây là ví dụ)**

Đề tài tập hợp cơ sở lý luận cơ bản về dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển và đường hàng không và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Qua đó, đánh giá thực trạng hoạt động giao nhận hàng hóa XNK tại công ty trong hai năm gần đây, từ đó nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng, phân tích được điểm mạnh, điểm yếu, mặt khó khăn, thuận lợi của công ty trong công tác này.

Trên cơ sở đó, đề tài cũng đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao kết quả công tác giao nhận hàng hóa XNK của công ty, gia tăng sức cạnh tranh về chất lượng dịch vụ so với các công ty khác cùng ngành nghề kinh doanh, đưa công ty ngày càng phát triển và lớn mạnh cả về khả năng cạnh tranh, uy tín lẫn chất lượng dịch vụ giúp công ty tạo được thương hiệu của mình trên thị trường vận tải quốc tế.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu (Sau đây là ví dụ)**

- Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển và đường hàng không tại công ty TNHH DV Giao nhận TM Thái Bình Á Lục.

- Phạm vi nghiên cứu: tại Công ty TNHH DV Giao nhận TM Thái Bình Á Lục, dựa vào các số liệu kinh doanh của công ty trong 2 năm trở lại đây (2018- 2019) để đánh giá về hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu của công ty.

**4. Phương pháp nghiên cứu (Sau đây là ví dụ)**

Đề tài sử dụng các phương pháp như phương pháp phân tích thống kê, phương pháp mô hình hóa, phương pháp tổng kết và phân tích thực nghiệm. Đồng thời quan sát quá trình hoạt động và tham gia vào quá trình làm việc để có những kết luận chính xác, sâu sắc.

**5. Kết cấu đề tài (Sau đây là ví dụ)**

Đề tài bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về đánh giá hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu

Trong chương này đề cập đến những hiểu biết chung về nghiệp vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chương 2: Giới thiệu tổng quan

Ở chương này giới thiệu tổng quát về lịch sử hình thành, cơ sở vật chất kỹ thuật, tình hình nhân sự của công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong hai năm gần đây.

Chương 3: Đánh giá hoạt động giao nhận hàng hóa XNK bằng đường biển và đường hàng không tại công ty TNHH DV Giao nhận TM Thái Bình Á Lục (PATA)

Ở chương này có 2 phần chính:

+ Đánh giá thực trạng hoạt động giao nhận hàng hóa XNK bằng đường biển và đường hàng không tại công ty TNHH DV Giao nhận TM Thái Bình Á Lục (PATA). Đây là phần quan trọng, trình bày về quy trình giao nhận hàng hóa XNK bằng đường biển và đường hàng không và những kết quả đạt được trong hoạt động giao nhận hàng hóa XNK của công ty.

+ Một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động giao nhận hàng hóa XNK bằng đường biển và đường hàng không tại công ty TNHH DV Giao nhận TM Thái Bình Á Lục (PATA).

Trình bày những thuận lợi, khó khăn của công ty từ đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động giao nhận hàng hóa XNK bằng đường biển và đường hàng không tại công ty.

**PHỤ LỤC 4: HƯỚNG DẪN LẬP BẢNG PHÂN TÍCH**

**1. Đánh giá tình hình thực hiện tổng chi phí**

Idt = $\frac{Doanh thu năm n}{Doanh thu năm n-1}\*100$

* Bội chi hay tiết kiệm chi phí:

- Mức bội chi (+) hay tiết kiệm (-) cho ta biết đuợc một đồng chi phí tiết kiệm được (hay bội chi) sẽ tăng đuợc mức lợi nhuận đuợc đồng đó (hoặc giảm một đồng lợi nhuận do bội chi).

- Mức bội chi hay tiết kiệm chi phí là phần chênh lệch giữa chi phí thực hiện thực tế so với chi phí thực hiện được tính trên cơ sở tỷ suất chi phí kế hoạch so với doanh thu thực hiện.

- Bội chi hay tiết kiệm tuyệt đối = Mức chi phí (Doanh thu năm n – Doanh thu năm n-1).

- Bội chi hay tiết kiệm tuơng đối = Yếu tố chi phí năm n – (Yếu tố chi phí năm n-1 \* Idt)

* Mức độ ảnh huởng của tổng chi phí:

MĐAH= $\frac{Bội chi hay tiết kiệm tuyệt đối}{Tổng chi phí năm n-1}\*100$

**2. Phân tích tình hình thực hiện tổng chi phí năm N**

Idt: … *ĐVT: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CHI TIẾT** | **NĂM n-1** | **NĂM n** | **TỈ LỆ ĐẠT (%)** | **BỘI CHI (+), TIẾT KIỆM (-)** | **MĐAH****(%)** |
| SỐ TIỀN | T.T (%) | SỐ TIỀN | T.T (%) |  | TUYỆT ĐỐI | TƯƠNG ĐỐI |  |
| 1 | Giá vốn hàng bán |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi phí tài chính |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chi phí quản lý  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |

**3. Phân tích tình hình thực hiện giá vốn hàng bán năm n**

Idt: … *ĐVT: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CHI TIẾT** | **NĂM n-1** | **NĂM n** | **TỈ LỆ ĐẠT (%)** | **BỘI CHI (+), TIẾT KIỆM (-)** | **MĐAH****(%)** |
| SỐ TIỀN | T.T (%) | SỐ TIỀN | T.T (%) |  | TUYỆT ĐỐI | TƯƠNG ĐỐI |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |

**4. Phân tích tình hình thực hiện chi phí quản lý doanh nghiệp năm n**

Idt: … *ĐVT: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CHI TIẾT** | **NĂM n-1** | **NĂM n** | **TỈ LỆ ĐẠT (%)** | **BỘI CHI (+), TIẾT KIỆM (-)** | **MĐAH****(%)** |
| SỐ TIỀN | T.T (%) | SỐ TIỀN | T.T (%) |  | TUYỆT ĐỐI | TƯƠNG ĐỐI |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phân tích tình hình thực hiện doanh thu của công ty năm N**

ĐVT: Đồng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CHI TIẾT** | **NĂM N-1** | **NĂM N** | **TỈ LỆ ĐẠT (%)** | **CHÊNH LỆCH (+/-)** | **MĐAH****(%)** |
| GIÁ TRỊ | TỈ TRỌNG (%) | GIÁ TRỊ | TỈ TRỌNG (%) |  |  |  |
| I | DOANH THU VỀ BH VÀ CCDV |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | DT bán giá cước vận tải |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | DT giao nhận và làm thủ tục Hải quan  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | DT làm dịch vụ khác  |  |  |  |  |  |  |  |
| II | DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH |  |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |

**Phân tích tình hình thực hiện lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận của công ty năm N**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CHỈ TIÊU** | **ĐƠN VỊ** | **NĂM N-1** | **NĂM N** | **TỈ LỆ ĐẠT (%)** | **CHÊNH LỆCH (+/-)** |
| I | Tổng doanh thu | Đồng | 82,297,984,592 | 75,769,246,643 | 92.07 | -6,528,737,949.00 |
| II | VCSH | Đồng |  |  |  |  |
| III | Tổng tài sản | Đồng |  |  |  |  |
| IV | Lợi nhuận trước thuế | Đồng |  |  |  |  |
| 1 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Đồng |  |  |  |  |
| 2 | Lợi nhuận khác | Đồng |  |  |  |  |
| V | Lợi nhuận sau thuế | Đồng |  |  |  |  |
| VI | Tỷ suất lợi nhuận | Đồng |  |  |  |  |
| 1 | Tỷ suất LNst trên doanh thu (ROS) | % | 0.56 | 0.48 | 85.25 | -0.08 |
| 2 | Tỷ suất LNst trên VCSH (ROE) | % |  |  |  |  |
| 3 | Tỷ suất LNst trên tài sản (ROA) | % |  |  |  |  |

(Nguồn: Phòng Kế toán)

**Phân tích tình hình nghĩa vụ đối với nhà nước của công ty năm N**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **CHI TIẾT** | **NĂM N-1** | **NĂM N** | **TỈ LỆ ĐẠT (%)** | **CHÊNH LỆCH (+/-)** |
| 1 | Thuế giá trị gia tăng |  |  |  |  |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp |  |  |  |  |
| 3 | Thuế môn bài |  |  |  |  |
| 4 | Thuế thu nhập cá nhân |  |  |  |  |
| 5 | Thuế môi trường |  |  |  |  |
| 6 | Các loại thuế khác |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |

(Nguồn: Phòng Kế toán)

**5.Tình hình nhân sự**

Bảng …: Tình hình nhân lực của công ty …….(tính đến tháng …./ năm …20xx)

Đơn vị tính: Nhân viên

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Số lượng** | **Tỷ trọng (%)** |
| **1** | **Theo trình độ** | **30** | **100** |
| 1.1 | Thạc sỹ | 2 | 6.67 |
| 1.2 | Đại học | 22 | 73.33 |
| 1.3 | Cao đẳng | 4 | 13.33 |
| 1.4 | Trung cấp | 2 | 6.67 |
| 1.5 | Sơ cấp | 0 | 0 |
| **2** | **Theo chức năng** | **30** | **100** |
| 2.1 | Ban Giám đốc | 1 | 3.33 |
| 2.2 | Bộ phận Chứng từ | 6 | 20 |
| 2.3 | Bộ phận Điều phối | 6 | 20 |
| 2.4 | Bộ phận Giao nhận | 2 | 6.67 |
| 2.5 | Bộ phận Kế toán | 3 | 10 |
| 2.6 | Bộ phận Nhân sự | 3 | 10 |
| 2.7 | Bộ phận Chăm sóc khách hàng | 9 | 30 |
| **3** | **Theo giới tính** | **30** | **100** |
| 3.1 | Nữ | 25 | 83.33 |
| 3.2 | Nam | 5 | 16.67 |

(trên đây là ví dụ minh họa)